

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI
Bản án số: 36 /2023/DS-PT
Ngày: 27-12-2023
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Bà Hoàng Hải Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp chia thừa kế*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2023/QĐXX-PT ngày 30 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐ-PT ngày 14-12-2023. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T

Địa chỉ: Tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. *Có mặt*

- Bị đơn:

1. Chị Phạm Thị H

Địa chỉ: Tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. *Có mặt*

2. Chị Phạm Thị H1

Địa chỉ thường trú: Phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. *Có mặt*

3. Chị Phạm Thị Thu H2

Địa chỉ: Tổ 4, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt*

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị Minh H3

Địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện Y1, tỉnh Yên Bái.

2. Chị Phạm Thị H4

Địa chỉ: Thôn C, xã H1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Anh Phạm Duy T1

Địa chỉ: Tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Anh Phạm Duy T1 có mặt, chị Phạm Thị Minh H3, chị Phạm Thị H4 vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Phạm Thị Minh H3: Ông Hồ A C - Luật sư thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn TGS – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 34, ngõ 187 T, phường Y2, quận C1, thành phố Hà Nội. Có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Phạm Thị Minh H3: Ông Trần Đình K và ông Nguyễn Duy H5 – Nhân viên của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn TGS – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 34, ngõ 187 T, phường Y2, quận C1, thành phố Hà Nội. Có mặt

Người kháng cáo là bị đơn chị Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Minh H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15-4-2023, Biên bản ghi lời khai ngày 05-7-2023, Biên bản hoà giải ngày 30-8-2023 nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày:

Ông kết hôn với bà Hoàng Thị L năm 1957, ông bà sinh được 06 người con, bao gồm: Phạm Thị H, Phạm Thị Minh H3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H4, Phạm Thị Thu H2 và Phạm Duy T1. Bố, mẹ đẻ của ông bà đều đã chết, ông bà không có bố mẹ nuôi, không có con riêng, con nuôi.

Trong quá trình chung sống, ông bà đã tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

- 1.818,0m² đất, có địa chỉ tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Năm 2000 ông bà đã cho tặng con trai là Phạm Duy T1 sử dụng. Anh Phạm Duy T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng riêng từ ngày 19-9-2000.

- 1.699,62m² đất, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số seri: W865925, do UBND huyện Trấn Yên cấp ngày 24-01-2003 cho chủ sử dụng đất là hộ ông Phạm Văn T. Địa chỉ thửa đất tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nhưng trên thực tế đo đạc qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất chỉ là 1.087,4m². Trị giá thửa đất là 422.456.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng*). Diện tích đất này đang do ông Phạm Văn T và con trai là Phạm Duy T1 quản lý, sử dụng.

- Hơn 01 ha đất trồng rừng, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ thửa đất tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích đất này đang do chị Phạm Thị H và chị Phạm Thị Thu H2 quản lý, sử dụng trồng cây lâm nghiệp.

Ngày 27-7-2008 bà Hoàng Thị L qua đời do tai nạn giao thông. Trước khi qua đời bà không để lại di chúc phân chia di sản thừa kế. Không để lại nghĩa vụ về tài sản. Sau khi bà Hoàng Thị L qua đời, ông Phạm Văn T đã nhiều lần gọi các con về để phân chia di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại. Nhưng các con của

ông bà gồm các chị Phạm Thị H, Phạm Thị H1 và Phạm Thị Thu H2 không đồng ý. Vì vậy, ông Phạm Văn T yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại như sau:

- Xác định tài sản chung của vợ chồng ông là 1.087,4m² đất, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số seri: W865925, do UBND huyện Trấn Yên cấp ngày 24-01-2003 cho chủ sử dụng đất là hộ ông Phạm Văn T. Địa chỉ thửa đất tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Trị giá thửa đất là 422.456.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng*). Trong đó phần di sản của bà Hoàng Thị L là 543,7m² đất, trị giá là 211.228.000 đồng. Ông yêu cầu chia di sản này thành 07 phần theo quy định của pháp luật và đề nghị thanh toán cho những người thừa kế khác, mỗi người là 30.175.000 đồng, tương đương với trị giá phần diện tích đất được hưởng.

- Đối với diện tích hơn 01ha đất trồng rừng, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ thửa đất tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích đất này đang do chị Phạm Thị H và chị Phạm Thị Thu H2 quản lý, sử dụng. Ông không yêu cầu chia thừa kế.

Tại Bản tự khai ngày 20-6-2023 và tại phiên hòa giải ngày 30-8-2023 các bị đơn là Phạm Thị H và Phạm Thị H1 thống nhất trình bày:

Về hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoàng Thị L, các chị nhất trí có 07 người gồm: Ông Phạm Văn T và các con Phạm Thị H, Phạm Thị Minh H3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H4, Phạm Thị Thu H2 và Phạm Duy T1.

Về thời điểm mở thừa kế, các chị thống nhất bà Hoàng Thị L qua đời vào ngày 27-7-2008, trước khi qua đời không để lại di chúc.

Về di sản thừa kế: Các chị yêu cầu xác định di sản của bà Hoàng Thị L để lại là ½ khối tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L đã tạo dựng, các chị không có công sức gì trong việc tạo dựng tài sản. Các tài sản bao gồm:

- 1.087,4m² đất, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: W865925, do UBND huyện Trấn Yên cấp ngày 24-01-2003 cho chủ sử dụng đất là hộ ông Phạm Văn T. Địa chỉ thửa đất tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- 1.818m² đất, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng, do UBND huyện Trấn Yên cấp ngày 19-9-2000 cho chủ sử dụng đất là hộ anh Phạm Duy T1. Địa chỉ thửa đất tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Trên đất có 01 nhà xây cây 4.

Về yêu cầu chia di sản thừa kế, các chị đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và sẽ thanh toán trị giá kỷ phần cho những người thừa kế khác bằng tiền.

Tại Bản tự khai ngày 20-6-2023, bị đơn chị Phạm Thị Thu H2 trình bày:

Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, ông Phạm Văn T về việc chia thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại và hàng thừa kế thứ nhất.

Không nhất trí với nội dung ông Phạm Văn T thanh toán di sản thừa kế cho chị bằng tiền, chị đề nghị được nhận di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất đối với diện tích 664,4m² đất là di sản của bà Hoàng Thị L để lại và chị sẽ có trách

nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần bằng tiền là 30.175.000 đồng.

Đề nghị xác định thêm di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại còn bao gồm các tài sản:

- Nhà trên đất mang tên Phạm Duy T1
- Đất rừng đồi
- Đất ruộng.

Đề nghị chia các tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 13-6-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Minh H3 trình bày:

Chị nhất trí với ý kiến của nguyên đơn, ông Phạm Văn T về việc xác định di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thực tế hiện ông Phạm Văn T đang quản lý là 1.322,8m², có địa chỉ tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chị thừa nhận không có đóng góp công sức gì trong việc tạo dựng khối tài sản trên. Nhất trí chia thừa kế theo yêu cầu của ông Phạm Văn T nhưng đề nghị chia di sản bằng hiện vật, không nhận bằng tiền.

Tại Bản tự khai ngày 13-6-2023 và Bản tự khai ngày 20-7-2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị H4 và anh Phạm Duy T1 có lời khai thống nhất, như sau: Xác nhận di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 1.322,8m², có địa chỉ tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Thống nhất trị giá di sản là 211.228.000 đồng.

Anh chị thừa nhận không có đóng góp công sức gì trong việc tạo dựng khối tài sản trên và nhất trí nhận di sản thừa kế bằng tiền theo yêu cầu của ông Phạm Văn T đưa ra.

Tại phiên hoà giải ngày 30-8-2023, các đương sự có mặt gồm: Ông Phạm Văn T, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1, anh Phạm Duy T1 thống nhất:

- Di sản thừa kế của bà Phạm Thị Lịch để lại là diện tích đất 543,7m², trong đó có 100m² đất thổ cư và 443,7m² đất vườn tạp tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Thống nhất trị giá di sản là 211.228.000 đồng. Các đương sự không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 633, 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 613, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, 31 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc “Tranh chấp về chia di sản thừa kế”

1.1. Giao cho ông Phạm Văn T được quyền sử dụng diện tích 1.087,4m² (Trong đó 200m² đất ở nông thôn và 887,4m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại

tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất anh Phạm Duy T1, phía Tây giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất ông Hoàng Đình C1 và phía Bắc giáp đường bê tông. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: W865925, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 744/QSDĐ/25/T/161, Q3/ĐC do Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên (Nay là thành phố Y), tỉnh Yên Bái cấp ngày 24-01-2003.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

1.2. Ông Phạm Văn T có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại cho hàng thừa kế thứ nhất bằng giá trị như sau: thanh toán cho chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị Minh H3, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H4, chị Phạm Thị Thu H2 và anh Phạm Duy T1 mỗi người 30.175.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, các bị đơn chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Minh H3 kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái theo hướng không nhất trí với việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại và không nhất trí nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền, đề nghị được nhận di sản bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Những người kháng cáo và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu chia di sản bằng hiện vật và nêu ý kiến:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xem xét, thẩm định lại diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: W865925 vì diện tích, hình thửa của thửa đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm không đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: W865925.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thiếu di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại là 1.818m² đất hiện do ông Phạm Duy T1 quản lý vì nguồn gốc diện tích đất này là tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Việc ông Phạm Duy T1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình không có sự đồng ý của ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L. Ngoài ra di sản còn có khoảng hơn 03 ha đất rừng và 1.172m² đất ruộng, có địa chỉ tại tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết, không hướng dẫn đương sự làm thủ tục yêu cầu phân tố. Với các nội dung trên, yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ Bản án số: 14/2023/DS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn, ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Duy T1 có ý kiến: Không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định và hợp lệ.

Về nội dung vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhận thấy: Nội dung kháng cáo của các đương sự về việc yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại di sản và chia di sản bằng hiện vật do các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Về án phí, đề nghị buộc những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn, chị Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm xác định vụ án thuộc quan hệ tranh chấp chia thừa kế là đúng. Toà án cấp sơ thẩm cũng đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của các Điều 26; 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế:

Theo lời khai của các đương sự và trích lục khai tử số: 14/TLKT-BS ngày 17-4-2023 thể hiện: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1933 đã chết vào ngày 27-7-2008. Như vậy, theo quy định của Điều 611 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế được xác định là thời điểm bà Hoàng Thị L chết.

[2.2] Về diện và hàng thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất: Ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L sinh được 06 người con, bao gồm: Phạm Thị H, Phạm Thị Minh H3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H4, Phạm Thị Thu H2 và Phạm Duy T1. Bố, mẹ của ông bà đều đã chết, ông bà không có bố mẹ nuôi, không có con riêng, con nuôi. Lời khai của các đương sự phù hợp với nội dung Sơ yếu lý lịch của ông Phạm Văn T và Lý lịch gia đình được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y xác nhận.

Như vậy, tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoàng Thị L gồm có 07 người là ông Phạm Văn T và 06 người con là: Phạm Thị H, Phạm Thị Minh H3, Phạm Thị H1, Phạm Thị H4, Phạm Thị Thu H2 và Phạm Duy T1.

[2.3] Về di sản thừa kế: Trong quá trình hoà giải, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, các đương sự đều thừa nhận di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L là 543,7m² đất, trong đó có 100m² đất thổ cư và 443,7m² đất vườn tạp tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Thống nhất trị giá di sản là 211.228.000 đồng.

Các đương sự gồm chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị H1 và chị Phạm Thị Thu H2 cho rằng ngoài di sản trên, bà Hoàng Thị L còn để lại di sản là đất ruộng, đất rừng và diện tích đất 1.818m², đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng, do UBND huyện Trấn Yên cấp ngày 19-9-2000 cho chủ sử dụng đất là hộ anh Phạm Duy T1. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đây là các tài sản do bà Hoàng Thị L để lại. Vì vậy, không có căn cứ để xác định đây là di sản thừa kế. Các đương sự cũng không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đề nghị Toà án giải quyết chia thừa kế đối với các tài sản này. Nên theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự, toà án cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp.

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định di sản của bà Hoàng Thị L để lại tại thời điểm mở thừa kế là 543,7m² đất, có địa chỉ tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trị giá di sản là 211.228.000 đồng và chia di sản này cho các đồng thừa kế là đúng.

[2.4] Do bà Hoàng Thị L chết năm 2008, không để lại di chúc. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại các Điều 633, 634, 635 và 674 Bộ luật Dân sự năm 2005 để phân chia cho mỗi người 1/7 di sản thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoàng Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Các đương sự đều thừa nhận diện di sản của bà Hoàng Thị L để lại là 543,7m², trong đó có 100m² đất thổ cư và 443,7m² đất vườn tạp tại tổ 02, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là tài sản do ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L tạo dựng, không có công sức đóng góp của các đương sự khác. Tài sản này do ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng từ năm 2002 đến nay. Nếu chia theo quy định của pháp luật bằng hiện vật thì mỗi kỹ phần sẽ được: $543,7m^2 : 7 = 77,67m^2$ đất, trong đó có 14,29m² đất ở và 63,38m² đất vườn.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và điểm a khoản 1 Điều 12 quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở ban hành theo Quyết định số: 15/2021/QĐ-UBND ngày 20-8-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái thì đối với đất ở tại các phường và thị trấn trong tỉnh phải có diện tích không nhỏ hơn 40m²; đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại các phường và thị trấn trong tỉnh phải có diện tích bằng hoặc lớn hơn 80m². Với quy định nêu trên, nếu chia di sản của bà Hoàng Thị L bằng hiện vật cho từng người sẽ không đảm bảo cho việc tách thửa đất cho người sử dụng. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thống nhất giao phần di sản của mình được hưởng

cho người khác quản lý. Đề nghị này chỉ được các đương sự nêu ra tại phiên toà phúc thẩm. Vì vậy việc Toà án cấp sơ thẩm giao thừa đất cho ông Phạm Văn T là người có công sức tạo dựng và đang quản lý, sử dụng; đồng thời buộc ông Phạm Văn T thanh toán trị giá di sản cho các đồng thừa kế khác bằng tiền là hợp tình, hợp lý.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Đối với kháng cáo yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật. Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, không đề nghị triệu tập thêm người làm chứng để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Nên không có căn cứ làm thay đổi nội dung Bản án sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Do đó kháng cáo này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo đề nghị xem xét, thẩm định lại: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều đã trực tiếp tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ cùng với Toà án; Trong các buổi tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các đương sự đều đã thừa nhận kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, không ai có ý kiến gì với kết quả thẩm định. Tại giai đoạn phúc thẩm, các đương sự không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới thể hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ không khách quan, có vi phạm tố tụng hoặc kết quả không chính xác. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của đương sự.

[3.3] Đối với kháng cáo đề nghị xác định di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L còn bao gồm khối tài sản là 1.818m² đất và 01 nhà xây cấp 4 có địa chỉ tại tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo đều cho rằng các tài sản này là tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị L, và yêu cầu chia. Tuy nhiên, theo lời khai của ông Phạm Văn T thể hiện nội dung: Tại thời điểm năm 2000, ông và bà Hoàng Thị L đã thống nhất tặng cho anh Phạm Văn Tòng diện tích đất này. Lời khai của ông Phạm Văn T phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: Q 987143, do Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên cấp ngày 19-9-2000 thể hiện, diện tích đất nêu trên được cấp cho hộ ông Phạm Duy T1. Các đương sự cũng thừa nhận căn nhà cấp 4 xây trên diện tích đất này sau thời điểm anh Phạm Duy T1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, tài sản là quyền sử dụng đất đã được chủ sử dụng là ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị L định đoạt trước thời điểm mở thừa kế; tài sản là nhà được xây dựng trên đất không phải thuộc quyền sử dụng của người để lại di sản và các đương sự không chứng minh được là tài sản do người để lại di sản thừa kế tạo dựng. Nên khi bà Hoàng Thị L chết, các tài sản này không được xác định là di sản của bà Hoàng Thị L để lại. Các bị đơn khai anh Phạm Duy T1 đã có văn bản trả lại tài sản này cho ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị L vào năm 2006, nhưng ông Phạm Văn T, anh Phạm Duy T1 đều không thừa nhận nội dung này. Các đương sự cũng không giao nộp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho nội dung đã

khai. Nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của các đương sự.

[3.4] Đối với kháng cáo đề nghị xác định thêm tài sản là di sản thừa kế bao gồm đất rừng và ruộng: Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phạm Văn T và các đương sự đều thừa nhận gia đình ông Phạm Văn T, bà Hoàng Thị L còn có đất trồng rừng và ruộng. Nhưng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng, hiện nay đất rừng đang do chị Phạm Thị H và chị Phạm Thị Thu H2 quản lý, sử dụng; đất ruộng hiện nay đang cho người khác mượn. Ông Phạm Văn T không có nhu cầu sử dụng nên không yêu cầu chia di sản này.

Do tại phiên toà sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu; yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đề nghị giải quyết chia thừa kế đối với di sản này; không giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có các di sản này. Nên Toà án cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp với quy định của Điều 5, Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất có các tài sản là di sản như trên, nhưng chưa được giải quyết chia. Do nội dung này chưa được giải quyết tại cấp sơ thẩm, nên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp phúc thẩm không xem xét. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết chia thừa kế đối với các tài sản này bằng vụ án khác theo thủ tục sơ thẩm.

[3.5] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không giải thích cho các đương sự về quyền yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố:

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 43/TB-TLVA ngày 19-5-2023 của Toà án cấp sơ thẩm. Trong Thông báo này có nêu rõ quyền và nghĩa vụ của các đương sự về giao nộp chứng cứ, yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố. Nhưng các đương sự không có yêu cầu. Vì vậy việc cho rằng Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không giải thích quyền yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố cho đương sự là không có cơ sở.

[3.6] Từ các phân tích nêu trên, việc các bị đơn Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Minh H3 kháng cáo đề nghị huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Toà án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn, các chị Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Minh H3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tại phiên toà là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; Điều 293; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 14 và 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn chị Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Minh H3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái như sau:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 633, 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 613, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, 31 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

1.1. Giao cho ông Phạm Văn T được quyền sử dụng diện tích 1.087,4m², trong đó có 543,7m² đất là di sản thừa kế do bà Hoàng Thị L để lại. Địa chỉ thửa đất tại tổ 2, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số seri: W865925, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số: 744/QSDĐ/25/T/161, Q3/ĐC do Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên (Nay là thành phố Y), tỉnh Yên Bái cấp ngày 24-01-2003 cho hộ gia đình ông Phạm Văn T. Có giáp ranh như sau: Phía Đông giáp đất anh Phạm Duy T1, phía Tây và phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đất ông Hoàng Đình C1. *(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)*

1.2. Ông Phạm Văn T có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần di sản thừa kế của bà Hoàng Thị L để lại cho những người được hưởng thừa kế, bao gồm: Chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị Minh H3, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H4, chị Phạm Thị Thu H2 và anh Phạm Duy T1. Mỗi người được ông Phạm Văn T thanh toán số tiền là: 30.175.000 đồng *(Ba mươi triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn T chưa thi hành xong khoản tiền phải thanh toán nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Văn T tự nguyện chịu 8.121.000 đồng *(Tám triệu một trăm hai mươi một ngàn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Phạm Văn T đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

1.4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị Minh H3, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H4, chị

Phạm Thị Thu H2 và anh Phạm Duy T1. Mỗi người phải chịu 1.508.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2/ Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm; Các chị Phạm Thị H1, Phạm Thị Thu H2 và chị Phạm Thị Minh H3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2022/0002222 ngày 18-10-2023; Các Biên lai số: AA/2022/0002230 và AA/2022/0002231 ngày 23-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y. Xác nhận chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị Thu H2, chị Phạm Thị Minh H3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thành phố Y.
- Các đương sự
- THA Dân sự thành phố Y.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

